

Bản án số: **15/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-8-2019

V/v *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX - ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) - sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 272, tổ dân phố 06, phường M Th, thành phố ĐBP, tỉnh Đ

* Bị đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1977 (Vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Số nhà 272, tổ dân phố 06, phường M Th, thành phố ĐBP, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) và ông Vũ Đình T lấy nhau có đăng ký kết hôn kết vào ngày 30/9/1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên). Hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau. Vợ chồng về chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bản thân ông T mãi chơi và thường xuyên không về nhà ăn cơm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sô sãt đã làm ảnh hưởng đến việc học tập của hai con. Bản thân bà H xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thi.

- Về con chung: Bà H khai vợ chồng có 02 con chung: Cháu thứ nhất là Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997; cháu thứ hai là Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009. Nguyên vọng của bà H sau khi ly hôn bà muốn nuôi cháu Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H; cháu Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997 đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của Phạm Thu H, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra thông báo thụ lý vụ án số 70/TB - TLTA ngày 26/3/2019 và đã xuống tổng đạt trực tiếp cho ông Vũ Đình T tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng ông T không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết tại phố, phường các văn bản của Tòa án nơi ông T cư trú và đăng ký NKTT tại: Số nhà 272, tổ dân phố 06, phường M Th, thành phố ĐBP, tỉnh Đ

Đến ngày 12/5/2019 ông Vũ Đình T đã có bản tự khai gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ với nội dung sau:

- Về hôn nhân: Tôi và cô H lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/1996, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên), trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2017 do vợ tôi bị bệnh mất ngủ hay nghĩ ngợi lung tung nên làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, vợ chồng chúng tôi không có mâu thuẫn gì như cô H đã trình bày ở trên. Nay cô H xin ly hôn tôi không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997 (đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh phát triển bình thường); cháu Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, tôi nhất trí nguyện vọng của cô H về nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Tại phiên tòa bà Phạm Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của bà H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Vụ án bà Phạm Thu H và ông Vũ Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) vào ngày 30/9/1996, ông bà kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Do vậy hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, do ông T không quan tâm đến vợ, các con đã làm ảnh hưởng tới việc học của các con. Bà H và ông T đã sống cuộc sống không có hạnh phúc. Tuy hai vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau nữa. Nay bà H xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết ông T đã được Tòa án thông báo nhiều lần nhưng không lên hòa giải đến ngày 12/5/2019 ông T đã có bản tự khai trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn và ông không nhất trí ly hôn. Ngày 28/6/2019 bà H có đơn đề nghị và có xác nhận về tình trạng hôn nhân tại UBND phường Mường Thanh,

thành phố Điện Biên Phủ. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Thi. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà H khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H và áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) và ông Vũ Đình T.

- Về con chung: Bà H, ông Tđều khai và công nhận có 02 con chung, cháu thứ nhất là Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997; cháu thứ hai Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009. Nguyên vọng của bà H xin nuôi cháu Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu ông Tphải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H; cháu Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997 đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tnhất trí. HĐXX xét thấy yêu cầu và nguyên vọng bà H và ông Tlà phù hợp theo quy định tại các Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX có đủ căn cứ giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002240 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 228; khoản 1 Điều 235 BLTTDS; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về hôn nhân: Tuyên xử Bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) được ly hôn với ông Vũ Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Đức D, sinh ngày 21/02/2009 cho bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu ông Tphải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H; cháu Vũ Thế Đ, sinh ngày 05/7/1997 đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án gửi quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án gửi quyết.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thu H (tên gọi khác: Phạm Thị H) phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002240 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2019); ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng;
- Chi cục Thành án dân sự TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương H

